

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 583/2020/TLST – HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: 45/1 S, tổ 7, khu phố 1, phường T, thành phố B- tỉnh Đ.

Người yêu cầu: bà Phạm Thị S, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 45/1 S, tổ 7, khu phố 1, phường T, thành phố B- tỉnh Đ.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị S thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị S có 03 con chung cháu Nguyễn Thị Lan H, sinh ngày 12/11/1998. Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị S thỏa thuận thống nhất. Ly hôn, bà Phạm Thị S nuôi (02) hai cháu Nguyễn Văn B, sinh ngày 13/9/2004 và cháu Phạm Thị Hải Y, sinh ngày: 24/9/2017. Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cháu Nguyễn Thị Hải Y số tiền 2.000.000đồng/tháng, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 02/5/2021 đến khi cháu Y đủ 18 tuổi, tạm thời không cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Văn B. Đối với cháu Nguyễn Thị Lan H, sinh ngày 12/11/1998 đã trưởng thành và có khả năng lao động không yêu cầu toà án giải quyết. Ông T không trực tiếp nuôi con được

quyền đi lại thăm nom con không ai cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị S phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí thuận tình ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0000473 ngày 18/3/2021, của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP B (2);
- THADS TP B (1);
- TAND tỉnh Đ(1);
- Đương sự (2);
- UBND nơi đăng ký kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

**THẨM PHÁN**

**Phạm Thị Bấy**